**Phụ lục 03**

**BẢNG RÀ SOÁT CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÁC LUẬT KHÁC**

*(Kèm theo Tờ trình số 446/TTr-CP ngày 07/10/2019 của Chính phủ)*

| **TT** | **Các Luật khác có liên quan** | **Nội dung về PPP tại các Luật có liên quan** | **Những nội dung tại dự thảo thống nhất với các luật (được dẫn chiếu)** | **Những nội dung đặc thù, được quy định trực tiếp hoặc đề xuất sửa đổi, bãi bỏ tại dự thảo** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 | Quy định về lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP | Quy định toàn bộ nội dung về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP | Bãi bỏ các nội dung về lựa chọn nhà đầu tư tại các điều khoản liên quan tại Luật Đấu thầu (dự thảo Luật, Điều 101 khoản 1) |
| 2 | Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 | Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Điều 28 khoản 2, Điều 40 khoản 4). | Các nội dung được dẫn chiếu tuân thủ theo pháp luật về đầu tư công:- Tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia (Điều 13 khoản 1)- Thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn đối với dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công (Điều 14)- Bố trí vốn hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điều 67 khoản 1).- Bố trí chi phí chuẩn bị dự án của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chi phí tổ chức thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án PPP và đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP (Điều 68 khoản 1).- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, sử dụng nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 69 khoản 2 điểm c) | Cơ chế lập kế hoạch vốn đầu tư công đối với dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 69 dự thảo Luật |
| 3 | Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 | - Định nghĩa về hợp đồng đầu tư theo hình thức PPP (Điều 3 khoản 8)- Chính phủ quy định chi tiết lĩnh vực, điều kiện, thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng PPP (Điều 27 khoản 2). - Tương ứng với quy định này, Chính phủ đã ban hành Nghị định 63/2018/NĐ-CP (trước đây là 15/2015/NĐ-CP) về PPP. | - Về bảo đảm đầu tư: Các bảo đảm đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư (dự thảo Luật, Điều 75 khoản 4)- Về ưu đãi đầu tư: Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, đầu tư và pháp luật có liên quan khác (dự thảo Luật Điều 74) | - Về bảo đảm đầu tư: Các bảo đảm đặc thù: (i) bảo đảm về quyền tiếp cận đất, quyền sử dụng đất và tài sản công khác; (ii) cung cấp các dịch vụ công cộng; (iii) quyền thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng: được quy định cụ thể tại khoản 1, 2, 3 Điều 75 dự thảo Luật |
| 4 | Luật Xây dựng số 50/2014/QH14 | - Về thống nhất thuật ngữ: Đối với dự án thực hiện hợp đồng PPP, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thỏa thuận thành lập theo quy định của pháp luật (Điều 7 khoản 2 điểm c).- Về thẩm định thiết kế cơ cở: cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở của dự án PPP (Điều 57 khoản 4 điểm c). - Về thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư thẩm định (Điều 57 khoản 4 điểm c) | Các nội dung được dẫn chiếu tuân thủ theo pháp luật về xây dựng:- Phương án thiết kế sơ bộ trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án có cấu phần xây dựng (dự thảo Luật Điều 15 khoản 2 điểm c, Điều 21 khoản 4).- Thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc (dự thảo Luật, Điều 12 khoản 3)- Thẩm định thiết kế xây dựng (Điều 53 khoản 1 điểm a).- Nghiệm thu công trình với nhà thầu (Điều 57 khoản 1). | Ngoài các nội dung liên quan đến pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng, nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi được quy định tại Điều 15 và Điều 21 dự thảo Luật. |
| 5 | Luật Đất đai số 45/2013/QH13 | - Về giao đất: Nhà nước giao cho nhà đầu tư quản lý diện tích đất để thực hiện dự án (BT); giao đất hoặc cho thuê đất đối với nhà đầu tư để thực hiện dự án BOT và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về đầu tư. (Điều 155 khoản 3).- Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ưu đãi về đất đối với dự án đầu tư nói chung (bao gồm PPP) theo quy định tại Điều 110. | Các nội dung được dẫn chiếu tuân thủ theo pháp luật về đất đai:- Tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án (Điều 52 khoản 1).- Về quyền tiếp cận đất đai, sử dụng đất (Điều 75 khoản 1 điểm b).- thế chấp tài sản, quyền sử dụng đất (Điều 75 khoản 3 điểm a). | Để thực hiện nguyên tắc đấu thầu kết hợp hai tiêu chí “đấu giá đất” và “đấu thầu công trình dự án BT”. Nhà đầu tư nào đề xuất phần chênh lệch giữa giá đất và giá trị công trình BT cao nhất thì được đề nghị trúng thầu. Giá ký kết hợp đồng là giá trúng đấu thầu. Tại thời điểm giao đất, cho thuê đất, không phải xác định lại giá đất nhà đầu tư phải nộp. Theo đó, phải xem xét sửa khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai về thời điểm xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (hiện Luật Đất đai cũng đang được Chính phủ nghiên cứu, sửa đổi). |
| 6 | Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 | Quy định về sử dụng tài sản công tham gia trong dự án PPP, sử dụng tài sản công để thanh toán cho dự án BT, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo hình thức PPP. | Các nội dung được dẫn chiếu tuân thủ theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công:- Việc xử lý tài sản chuyển giao thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Điều 62 khoản 2).- Xác định giá trị tài sản công để sử dụng thành vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (Điều 65 khoản 4 điểm b).- Việc tiếp cận quyền sử dụng tài sản công (Điều 76 khoản 1 điểm b). | - Về cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Trường hợp sử dụng tài sản công theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để thực hiện dự án PPP áp dụng loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao tại cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức, đơn vị này phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc giao cho cơ quan đó hoặc một trong các cơ quan quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều này làm chức năng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều 92 của Luật này và Cơ quan ký kết hợp đồng của dự án. (Điều 7 khoản 3) |
| 7 | Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 | - Về áp dụng Luật doanh nghiệp và các luật chuyên ngành: Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó (Điều 3). | Các nội dung được dẫn chiếu tuân thủ theo pháp luật về doanh nghiệp:- Hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp dự án PPP - Tổ chức quản lý, hoạt động, giải thể, phá sản doanh nghiệp dự án PPP (Điều 39 khoản 3)- Trường hợp chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều này làm thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Điều 49 khoản 4).- Về góp vốn điều lệ doanh nghiệp dự án: Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp dự án PPP, nhà đầu tư xác định tỷ lệ vốn chủ sở hữu sẽ góp vào vốn điều lệ của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp (Điều 72 khoản 4). | *- Về mô hình thành lập doanh nghiệp:* nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp có mục đích duy nhất để thực hiện dự án theo hợp đồng, theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. (Điều 39 khoản 1).*- Về huy động vốn của doanh nghiệp dự án PPP:* + Doanh nghiệp dự án PPP được được phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhưng không được phát hành cổ phiếu (Điều 39 khoản 2). + Vốn huy động không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài mục đích thực hiện dự án theo hợp đồng (Điều 73 khoản 2)+ Chỉ được huy động sau khi hoàn thành xây dựng công trình đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc sau khi chuyển sang giai đoạn vận hành đối với dự án không có cấu phần xây dựng (Điều 73 khoản 1)*- Về góp vốn điều lệ doanh nghiệp dự án:* Trường hợp vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án PPP thấp hơn mức vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết huy động, hợp đồng phải bao gồm lộ trình tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án PPP, phù hợp với tiến độ triển khai dự án. (Điều 72 khoản 4). |
| 8 | Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 | Quy định chung về việc sử dụng ngân sách nhà nước (áp dụng chung cho dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả dự án PPP sử dụng vốn ngân sách nhà nước) | Các nội dung được dẫn chiếu tuân thủ theo pháp luật về ngân sách nhà nước:- Cơ chế lập dự toán nguồn vốn chi thường xuyên và nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công đối với dự án PPP (Điều 70). |  |
| 9 | Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 | Quy định về các yêu cầu, nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiêu chuẩn môi trường (áp dụng chung cho các dự án, bao gồm cả dự án PPP) |  | Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường (Điều 101 khoản 2): *“Đối với dự án PPP, cấp có thẩm quyền căn cứ đánh giá sơ bộ tác động môi trường để quyết định chủ trương đầu tư; căn cứ đánh giá tác động môi trường để phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 Luật này”.* |